

## TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ NĂM HỌC 2020 - 2021 VÀ NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM NĂM HỌC 2021 - 2022

### I. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ NĂM HỌC 2020 - 2021

#### 1. Nhiệm vụ trọng tâm năm học 2020 - 2021

Năm học 2020 - 2021, bên cạnh các nhiệm vụ thường xuyên, ngành Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) tỉnh tập trung thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm như sau:

- Triển khai thực hiện các nhiệm vụ, chỉ tiêu chủ yếu về GDĐT trong Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XI nhiệm kỳ 2020 - 2025 và Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021 - 2026;

- Triển khai đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông ở lớp 1 và chuẩn bị các điều kiện cần thiết để triển khai đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông ở lớp 2 và lớp 6 năm học 2021 - 2022;

- Triển khai thực hiện Luật Giáo dục 2019 có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2020.

#### 2. Một số khó khăn

Kinh tế - xã hội địa phương Đồng Tháp còn khó khăn, nguồn lực còn hạn chế nên việc đầu tư phát triển sự nghiệp GDĐT có phần chưa đáp ứng yêu cầu phát triển của ngành cũng như chuẩn bị cơ sở vật chất, thiết bị dạy học để triển khai đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông.

Trong năm học, dịch COVID-19 diễn biến phức tạp, ảnh hưởng đến việc thực hiện nhiệm vụ năm học<sup>(1)</sup>.

#### 3. Kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học

##### 3.1. Quy mô phát triển

Trong năm học, ngành GDĐT tiếp tục phối hợp với các sở, ngành tỉnh, UBND các huyện, thành phố rà soát, quy hoạch, phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục trên địa bàn. Kết quả việc sắp xếp các cơ sở giáo dục:

- Ngành học mầm non (MN): giảm 01 trường, tăng 04 lớp và 3.142 học sinh.
- Ngành học phổ thông:
  - + Cấp tiểu học (TH) giảm 17 trường, 145 lớp và 5.003 học sinh;
  - + Cấp trung học cơ sở (THCS): giảm 02 trường nhưng tăng 27 lớp và 3.900 học sinh;
  - + Cấp trung học phổ thông (THPT): tăng 18 lớp và 1.192 học sinh.

<sup>(1)</sup> Trong năm học, nhiều đợt dịch ảnh hưởng đến địa phương; học sinh, học viên phải nghỉ học cục bộ theo diễn biến dịch; một số hoạt động chuyên môn phải hủy bỏ hoặc điều chỉnh; năm học phải kết thúc sớm 15 ngày;...

Về quy mô cơ sở giáo dục và tỷ lệ học sinh/lớp các ngành học, cấp học:

- Quy mô cơ sở giáo dục:

Ngành, cấp học	Tổng số		Bình quân lớp/trường		
	Trường	Lớp	Tỉnh		Khu vực ĐBSCL <sup>(2)</sup>
			2020-2021	2019-2020	
Mầm non	189	2.176	<b>11,51</b>	11,41	10,39
Tiểu học	268	4.964	<b>18,52</b>	17,87	19,05
THCS	142	2.598	<b>18,30</b>	18,63	17,87
THPT	43	1.086	<b>25,26</b>	24,84	13,31

- Tỷ lệ học sinh/lớp:

Ngành, cấp học	Tổng số		Bình quân học sinh/lớp		
	Học sinh	Lớp	Tỉnh		Khu vực ĐBSCL
			2020-2021	2019-2020	
Mầm non	63.036	2.176	<b>28,97</b>	29,91	28,71
Tiểu học	136.421	4.964	<b>27,48</b>	27,64	29,77
THCS	104.054	2.598	<b>40,05</b>	38,46	37,46
THPT	42.545	1.086	<b>39,18</b>	38,72	39,49

### 3.2. Xây dựng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục

a) Về số lượng

Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý năm học 2020-2021 là: **18.643**. Trong đó, ngành học MN: **3.607**; cấp TH: **7.317**; cấp THCS: **4.922**; cấp THPT: **2.740**; giáo dục thường xuyên (GDTX): **57**. Giảm **482** người so với năm học trước.

b) Trình độ chuẩn được đào tạo theo quy định của Luật Giáo dục 2019<sup>(3)</sup>

Ngành học mầm non: **94,57%** đạt và trên trình độ chuẩn được đào tạo (tăng hơn năm học trước **3,14%**, Khu vực ĐBSCL: **56,18%**).

Ngành học phổ thông:

- Cấp TH: **76,70%** đạt và trên trình độ chuẩn được đào tạo (tăng hơn năm học trước **3,54%**, Khu vực ĐBSCL: **75,45%**).

- Cấp THCS: **90,11%** đạt và trên trình độ chuẩn được đào tạo (tăng hơn năm học trước **3,01%**, Khu vực ĐBSCL: **86,31%**).

<sup>(2)</sup> Khu vực ĐBSCL: Khu vực đồng bằng sông Cửu Long.

<sup>(3)</sup> Theo quy định của Luật Giáo dục 2019, trình độ chuẩn được đào tạo của giáo viên mầm non là cao đẳng sư phạm, giáo viên phổ thông là đại học sư phạm.

- Cấp THPT: **99,38%** đạt và trên trình độ chuẩn được đào tạo (giảm hơn năm học trước **0,62%**, Khu vực ĐBSCL: **99,29%**)<sup>(4)</sup>.

### 3.3. Chất lượng giáo dục toàn diện

#### a) Học sinh phổ thông giảm thô<sup>(5)</sup>

Cấp TH giảm **359** học sinh (**0,26%**), cao hơn năm học trước **32** em (**0,03%**).

Cấp THCS giảm **3.514** học sinh (**3,38%**), cao hơn năm học trước **151** em (**0,02%**).

Cấp THPT giảm **786** em, thấp hơn năm học trước **284** em (**0,74%**).

#### b) Chất lượng giáo dục đại trà

Cấp TH: Môn Tiếng Việt, có **99,18%** học sinh được xếp loại “Hoàn thành” trở lên (giảm **0,2%** so với năm học trước); môn Toán đạt **99,33%** (giảm **0,21%** so với năm học trước).

Cấp THCS: Xếp loại hạnh kiểm từ Trung bình trở lên: **99,97%** (giảm **0,02%** so với năm học trước); xếp loại học lực từ Trung bình trở lên: **96,93%** (giảm **0,33%** so với năm học trước).

Cấp THPT: Xếp loại hạnh kiểm từ Trung bình trở lên: **99,93%**, (tăng **0,01%** so với năm học trước); xếp loại học lực từ Trung bình trở lên: **99,32%**, (tăng **0,31%** so với năm học trước).

#### c) Chất lượng giáo dục mũi nhọn

Trong Kỳ thi chọn học sinh giỏi văn hóa quốc gia cấp THPT, tỉnh đạt **14** giải (**02** giải II, **03** giải III, **09** giải khuyến khích, xếp thứ 03/13 tỉnh, TP Khu vực ĐBSCL (năm học trước đạt **19** giải gồm **04** giải II, **03** giải III, **12** giải khuyến khích).

#### d) Xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia

Ngành học MN, tính đến cuối tháng 6/2021 có 52/179 trường đạt chuẩn mức độ 1 (tỷ lệ **29,05%**), giảm hơn năm học trước 02 trường (tỷ lệ **0,95%**); 44/179 trường đạt chuẩn mức độ 2 (tỷ lệ **24,58%**), tăng hơn năm học trước 10 trường (**5,69%**). Khu vực ĐBSCL có **32,45%** trường đạt chuẩn mức độ 1 và **56,73%** trường đạt chuẩn mức độ 2.

Cấp TH, tính đến cuối tháng 6/2021 có 126/267 trường đạt chuẩn mức độ 1 (tỷ lệ **47,19%**), tăng hơn năm học trước 08 trường (**4,79%**); 13/267 trường đạt chuẩn mức độ 2 (tỷ lệ **4,87%**), tăng hơn năm học trước 04 trường (**1,69%**). Khu vực ĐBSCL có **55,43%** trường đạt chuẩn mức độ 1 và **9,02%** trường đạt chuẩn mức độ 2.

Cấp THCS, tính đến cuối tháng 6/2021 có 11/136 trường đạt chuẩn mức độ 1 (tỷ lệ **8,09%**), tăng hơn năm học trước 06 trường (**4,47%**); 66/136 trường đạt chuẩn mức độ 2 (tỷ lệ **48,53%**), giảm so với năm học trước 02 trường (**0,75%**). Khu vực ĐBSCL có **29,41%** trường đạt chuẩn mức độ 1 và **32,20%** trường đạt chuẩn mức độ 2.

<sup>(4)</sup> Trong năm học, thực hiện sáp nhập 01 trường THCS và 01 trường THPT, số giáo viên chưa đạt trình độ đại học đang giảng dạy các lớp cấp THCS.

<sup>(5)</sup> Số học sinh đầu năm – số học sinh cuối năm (không tính chuyển đi, chuyển đến).

Cấp THPT, tính đến cuối tháng 6/2021 có 02/43 trường đạt chuẩn mức độ 1 (tỷ lệ **4,65%**); 27/43 trường đạt chuẩn mức độ 2 (tỷ lệ **62,79%**). Khu vực ĐBSCL có **25,42%** trường đạt chuẩn mức độ 1 và **21,38%** trường đạt chuẩn mức độ 2.

đ) Duy trì và nâng cao kết quả phổ cập giáo dục, xóa mù chữ,

Phổ cập giáo dục:

- Đối với phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 05 tuổi, đến cuối năm 2015, **100%** địa phương cấp xã và huyện được công nhận đạt chuẩn, tính được Bộ GDĐT công nhận đạt chuẩn năm 2016. Từ năm 2016 đến nay, các tiêu chuẩn phổ cập giáo dục mầm non được duy trì và nâng cao.

- Tính được Bộ GDĐT công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học năm 1997. Đến năm 2010 có **100%** địa phương cấp xã và huyện duy trì chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi; năm 2015, có **27/144** địa phương cấp xã (**18,75%**) và **01/12** địa phương cấp huyện (**08,33%**) đạt chuẩn mức độ 2; năm 2020, **143/143** địa phương cấp xã (**100%**) và **12/12** địa phương cấp huyện (**100%**) đạt chuẩn mức độ 3.

- Tính được Bộ GDĐT công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục trung học cơ sở năm 2006. Đến năm 2010 có **100%** địa phương cấp xã và huyện duy trì chuẩn phổ cập giáo dục trung học cơ sở; năm 2015, chưa có địa phương cấp xã và cấp huyện đạt chuẩn mức độ 2; năm 2020, **143/143** địa phương cấp xã (**100%**) và **12/12** địa phương cấp huyện (**100%**) đạt chuẩn mức độ 2.

Xóa mù chữ: **100%** địa phương cấp xã, huyện đạt chuẩn mức độ 2.

e) Kết quả Kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông

Do dịch COVID-19 diễn biến phức tạp, Kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2021 trên địa bàn tỉnh được chia thành 02 đợt:

- Đợt 1, có **10.465/14.747** thí sinh dự thi, tỷ lệ đỗ tốt nghiệp **99,34%**.

- Đợt 2: **4.685** thí sinh đủ điều kiện dự thi và được xét đặc cách công nhận tốt nghiệp do tỉnh không tổ chức thi vì đang thực hiện giãn cách xã hội.

Điểm thi bình quân các môn thi tốt nghiệp THPT của tỉnh:

- Năm 2020 đạt **6,484** (Khu vực ĐBSCL: **6,364**; cả nước: **6,320**).

- Năm 2021 đạt **6,483** (Khu vực ĐBSCL: **6,464**; cả nước: **6,310**)<sup>(6)</sup>.

g) Triển khai đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông

Ngành GDĐT triển khai đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông ở lớp 1 được triển khai thực hiện đồng bộ với việc thực hiện nhiệm vụ trọng tâm của năm học: Tăng cường truyền thông, trong đó tập trung truyền thông về những điểm mới của Chương trình giáo dục phổ thông 2018 và việc chọn sách giáo khoa lớp 1 năm học 2020 – 2021; Rà soát, chuẩn bị đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý; rà soát, bổ sung cơ sở vật

<sup>(6)</sup> Chỉ tính trên số học sinh tham gia thi ở đợt 1.

chất, thiết bị dạy học. Tổ chức tập huấn nhà giáo và cán bộ quản lý cốt cán, đại trà; phối hợp với các nhà xuất bản có sách giáo khoa được chọn tổ chức tập huấn sử dụng sách.

Thực hiện các công việc chuẩn bị triển khai đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông ở lớp 2 và lớp 6 (năm học 2021 - 2022): Tổ chức chọn sách giáo khoa đúng hướng dẫn của Bộ GDĐT và đã được UBND Tỉnh phê duyệt; Biên soạn “Tài liệu Giáo dục địa phương tỉnh Đồng Tháp” cấp Tiểu học và Trung học, đã được Hội đồng thẩm định thông qua, đang hoàn chỉnh trình UBND Tỉnh và Bộ GDĐT phê duyệt; Phối hợp các sở, ngành có liên quan tham mưu UBND Tỉnh phê duyệt các dự án mua sắm thiết bị dạy học tối thiểu.

#### **4. Đánh giá chung**

##### **4.1. Những việc làm được**

a) Việc sắp xếp các cơ sở giáo dục công lập được quan tâm thực hiện (Trong năm học giảm 19 cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông). Đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục được từng bước nâng cao chất lượng (Tỷ lệ đạt chuẩn trở lên theo quy định của Luật Giáo dục 2019 khá cao).

Chất lượng giáo dục toàn diện được duy trì ổn định. Quy mô dạy học ngoại ngữ được mở rộng, chất lượng có chuyển biến.

Việc ứng dụng công nghệ thông tin vào dạy học, quản lý được đẩy mạnh và bước đầu phát huy hiệu quả.

Việc phân cấp quản lý cho các cơ sở giáo dục được đẩy mạnh. Việc hội nhập quốc tế lĩnh vực GDĐT được quan tâm với nhiều hình thức.

Tuy nguồn lực còn khó khăn nhưng địa phương tập trung đầu tư phát triển GDĐT - trong đó, tập trung chuẩn bị cơ sở vật chất, thiết bị dạy học để triển khai đổi mới chương trình và sách giáo khoa giáo dục phổ thông. Nguồn nhân lực chất lượng cao trong ngành được nâng cao so với năm học trước.

b) Công tác cải cách hành chính trong lĩnh vực giáo dục được đẩy mạnh và đạt kết quả khả quan. Năng lực của nhà giáo và cán bộ quản lý được nâng lên, đáp ứng cơ bản yêu cầu nhiệm vụ đổi mới GDĐT. Việc tổ chức Kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông năm 2020 và 2021 được triển khai đúng hướng dẫn của Bộ GDĐT. Công tác truyền thông được quan tâm, không xảy ra “khủng hoảng truyền thông”.

c) Tuy bị ảnh hưởng nặng nề vì dịch bệnh Covid-19 nhưng địa phương đã phấn đấu hoàn thành các nhiệm vụ trọng tâm của năm học 2020 - 2021, chuẩn bị cơ bản các điều kiện để triển khai thực hiện nhiệm vụ năm học 2021 - 2022, năm thứ hai triển khai đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông.

##### **4.2. Hạn chế và nguyên nhân**

###### **a) Hạn chế**

Số học sinh giảm thô (chưa tính chuyển đi, chuyển đến) còn khá nhiều. Chất lượng dạy học ngoại ngữ - tuy có chuyển biến, dần tiệm cận nhưng vẫn còn thấp hơn so với mặt

bằng chung cả nước. Trường chuẩn quốc gia ngành học MN và cấp TH còn thấp so với mặt bằng chung của Khu vực ĐBSCL.

Hạ tầng cơ sở công nghệ thông tin còn hạn chế nên hiệu quả ứng dụng công nghệ thông tin vào quản lý, dạy học chưa thật cao.

Các cơ sở giáo dục chỉ thực hiện tự chủ về chuyên môn, việc tự chủ về tài chính và nhân sự còn khó khăn.

Việc hội nhập quốc tế còn mang tính địa phương, phong trào.

Tuy được quan tâm đầu tư nhưng do nguồn lực hạn chế nên cơ sở vật chất chỉ ở mức cơ bản đáp ứng yêu cầu.

Chất lượng công tác truyền thông chưa cao, chủ yếu phản ánh hoạt động chuyên môn của ngành.

#### b) Nguyên nhân

Nguyên nhân khách quan: .

- Do kinh tế - xã hội của địa phương còn khó khăn nên nguồn lực đầu tư phát triển - trong đó có đầu tư phát triển GDĐT còn hạn chế.

- Một số quy định, cơ chế, chính sách liên quan đến lĩnh vực GDĐT không còn phù hợp với thực tế nhưng chưa được thay đổi, điều chỉnh, bổ sung kịp thời.

- Dịch COVID-19 diễn biến phức tạp, tác động đến việc thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm của ngành.

Nguyên nhân chủ quan:

- Một số địa phương chưa thật chủ động, quyết liệt trong sắp xếp các cơ sở giáo dục có quy mô nhỏ; Một bộ phận nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục năng lực còn hạn chế, chậm tiếp nhận và vận dụng các đổi mới về phương pháp dạy học, quản lý- kể cả ứng dụng công nghệ thông tin.

- Tuy quan tâm, có nhiều biện pháp để đẩy mạnh dạy học ngoại ngữ, bồi dưỡng học sinh giỏi nhưng chưa thật sự có các biện pháp mang tính “đột phá” để nâng cao năng lực người học, người dạy để tạo “đòn bẩy” nâng cao chất lượng.

- Trong huy động nguồn lực để phát triển, một số cơ sở giáo dục còn “ngại” về cơ chế, chính sách nên chưa mạnh dạn thực hiện, trông chờ vào sự đầu tư của Nhà nước; ngược lại, một bộ phận cán bộ quản lý huy động các nguồn lực chưa đúng quy định (cào bằng mức đóng góp, có biểu hiện lạm thu,...).

## **II. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM NĂM HỌC 2021 - 2022**

### **1. Tình hình tác động đến việc thực hiện nhiệm vụ năm học**

a) Dịch COVID-19 có thể tiếp tục diễn biến phức tạp, ảnh hưởng đến việc triển khai các hoạt động giáo dục (về nội dung, thời gian, kinh phí,...).

b) Với việc triển khai đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông ở lớp 2 và lớp 6, các cơ sở giáo dục TH và THCS thực hiện song song hai chương trình

(chương trình giáo dục phổ thông 2018 và chương trình giáo dục phổ thông theo Quyết định số 16/2006/QĐ-BGDĐT) nên sẽ gặp phải một số khó khăn nhất định.

c) Kinh phí chi cho hoạt động chuyên môn của ngành được điều chỉnh theo hướng giảm để tiết kiệm do ảnh hưởng của dịch COVID-19, trong khi yêu cầu cho các hoạt động chuyên môn cao.

## **2. Nhiệm vụ và giải pháp trọng tâm**

### **2.1. Các nhiệm vụ**

a) Tiếp tục phối hợp với các sở, ngành có liên quan và UBND các huyện/thành phố rà soát, sắp xếp các cơ sở giáo dục công lập một cách hợp lý và hiệu quả; bố trí biên chế học sinh/lớp bám sát quy định của Bộ GDĐT và phù hợp với điều kiện thực tế của từng địa phương, đảm bảo việc học tập của con em nhân dân trên từng địa bàn.

b) Bố trí cán bộ quản lý và giáo viên đảm bảo cho việc dạy học ở các cơ sở giáo dục - nhất là ở các khối lớp thực hiện đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông (lớp 1, 2 và 6). Triển khai thực hiện việc đào tạo, bồi dưỡng giáo viên chưa đạt trình độ đào tạo chuẩn theo quy định của Luật Giáo dục 2019. Từng bước nâng cao năng lực cho đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý tương xứng với bằng cấp và đảm bảo năng lực để thực hiện nhiệm vụ.

c) Trên cơ sở kết quả đạt được của năm học 2020 -2021 (những việc làm được, hạn chế và yếu kém), tổ chức rút kinh nghiệm, phân tích nguyên nhân và đề ra giải pháp, biện pháp khả thi để tiếp tục nâng cao chất lượng giáo dục, triển khai chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông 2018; đẩy mạnh định hướng nghề nghiệp và phân luồng học sinh sau trung học cơ sở; đổi mới quản lý và nâng cao hiệu quả của giáo dục thường xuyên; tăng cường giáo dục đạo đức, lối sống, kỹ năng sống, giáo dục thể chất cho học sinh, học viên, bảo đảm an toàn trường học. Trong đó, tập trung vào mục tiêu rút ngắn khoảng cách đối với các chỉ tiêu, mục tiêu còn thấp hơn mặt bằng chung Khu vực ĐBSCL và cả nước.

d) Rà soát lại toàn bộ các công việc, các biện pháp và giải pháp đã chỉ đạo, triển khai thực hiện đối với dạy học ngoại ngữ ở các ngành học, cấp học trên địa bàn tỉnh trong thời gian qua, tập trung phân tích và đánh giá các hạn chế, yếu kém; phân tích nguyên nhân khách quan (nguồn lực đầu tư) và chủ quan (cách làm, năng lực quản lý, dạy học) để có giải pháp, biện pháp khắc phục.

đ) Tham mưu UBND tỉnh, phối hợp UBND các huyện, thành phố tăng cường hạ tầng kỹ thuật, đào tạo nhân lực để tiếp tục đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, dạy học và từng bước thực hiện chuyển đổi số trong các cơ sở giáo dục, từng bước đồng bộ với lộ trình chuyển đổi số của Bộ GDĐT và tỉnh.

e) Trên cơ sở các quy định của Trung ương và Tỉnh, tiếp tục phân cấp mạnh mẽ và tạo điều kiện thuận lợi cho các cơ sở giáo dục thực hiện tự chủ, tự chịu trách nhiệm gắn với thực hiện công khai theo quy định.

g) Tăng cường việc hợp tác quốc tế trong lĩnh vực giáo dục theo hướng đa dạng về hình thức, nội dung và đối tác. Bên cạnh việc hợp tác để tăng cường cơ sở vật chất, thiết

bị kỹ thuật, ..., quan tâm việc hợp tác để nâng cao tầm nhìn, năng lực cho nhà giáo và cán bộ quản lý.

h) Triển khai thực hiện Chương trình đảm bảo cơ sở vật chất đối với giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông đã được Hội đồng nhân dân Tỉnh thông qua đúng tiến độ để từng bước tăng cường cơ sở vật chất cho các cơ sở giáo dục; phối hợp với các sở, ngành có liên quan và UBND các huyện, thành phố tham mưu, triển khai mua sắm thiết bị dạy học tối thiểu phục vụ đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông ở các lớp thay sách.

i) Thực hiện việc tuyển dụng, chuyển chuyên viên chức ngành GDĐT công khai, minh bạch, đúng quy định, đảm bảo các điều kiện, tiêu chuẩn quy định. Đồng thời, triển khai công tác bồi dưỡng thường xuyên, tập huấn và bồi dưỡng thay sách cho nhà giáo và cán bộ quản lý. Tham mưu UBND tỉnh cử nhà giáo và cán bộ quản lý đi đào tạo nâng trình độ chuẩn được đào tạo với số lượng và tỷ lệ hợp lý đối với từng ngành học, cấp học để nâng cao chất lượng nguồn nhân lực toàn ngành.

## **2.2. Các giải pháp**

a) Trên cơ sở khung Kế hoạch thời gian năm học, Chỉ thị về nhiệm vụ năm học, các văn bản hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ năm học từng lĩnh vực của Bộ GDĐT, tham mưu UBND Tỉnh ban hành các văn bản chỉ đạo<sup>(13)</sup> và ban hành văn bản theo thẩm quyền hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ năm học từng lĩnh vực. Tiếp tục rà soát để hoàn thiện thể chế, đẩy mạnh cải cách hành chính trong ngành phù hợp với lộ trình chuyển đổi số của Bộ GDĐT và UBND Tỉnh. Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật trong ngành.

b) Rà soát đội ngũ cán bộ quản lý cơ sở giáo dục các ngành học, cấp học về số lượng, tiêu chuẩn, điều kiện để bổ sung, cập nhật, điều chỉnh. Triển khai thực hiện các biện pháp bồi dưỡng, nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ quản lý để từng bước chuyển từ “Quản lý” sang “Quản trị” nhà trường.

c) Trên cơ sở các nguồn vốn được phân bổ, sử dụng hợp lý để từng bước tăng cường đầu tư cho các nhiệm vụ, mục tiêu trọng tâm của ngành, cho các địa bàn trọng điểm trên địa bàn tỉnh. Tham mưu UBND Tỉnh triển khai các biện pháp phù hợp, tạo điều kiện cho các tổ chức, cá nhân có tiềm năng đầu tư vào lĩnh vực GDĐT - nhất là ở ngành học mầm non và giáo dục chất lượng cao ở các địa bàn kinh tế - xã hội phát triển, nơi người dân có nhu cầu cho con em thụ hưởng các dịch vụ giáo dục chất lượng tốt nhất. Khắc phục các biểu hiện chưa đúng trong huy động các nguồn lực xã hội hóa giáo dục.

d) Tiếp tục đổi mới việc kiểm tra, thi tại các cơ sở giáo dục về nội dung, hình thức, mục đích để đánh giá thực chất kết quả thực hiện dạy học và các hoạt động giáo dục.

Đẩy mạnh công tác kiểm định chất lượng giáo dục để đánh giá hiệu quả các nội dung đổi mới căn bản, toàn diện của các cơ sở giáo dục.

<sup>(13)</sup> Quyết định ban hành khung kế hoạch thời gian năm học đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh; Chỉ thị (hoặc Công văn) chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ năm học.



đ) Kiện toàn lực lượng làm công tác truyền thông trong ngành từ Sở, Phòng GDĐT đến các cơ sở giáo dục. Từng bước nâng chất công tác truyền thông, bên cạnh đơn thuần phản ánh hoạt động của ngành, cần đi sâu vào các lĩnh vực, nội dung về quản lý, dạy học.

**SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**